

Bản án số: 22/2022/HS-ST
Ngày 24 tháng 02 năm 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hà và bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 204/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

1. Lê Hồng Ng, sinh ngày 01/9/2001, tại Hà Nội; nơi cư trú: Xóm 4, thôn Nại Châu, xã CP, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Vũ Thị H; Vợ: Nguyễn Thị Phương Ng; con: 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày từ 16/4/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị hại: Anh Bùi Duy H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 38 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn B, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Vạn Phúc, xã Vạn Yên, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1997; Địa chỉ: Xóm 1, thôn Nại Châu, xã CP, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).

- Ông Lê Văn Hải, sinh năm 1977; Xóm 4, thôn Nại Châu, xã CP, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có nhu cầu thuê xe ô tô tự lái để đi chơi trong dịp Tết Nguyên Đán Tân Sửu năm 2021, nên khoảng 09 giờ ngày 10/02/2021 Lê Hồng Ng, sinh năm: 2001, HKTT: Xóm 4, thôn Nại Châu, xã CP, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội đến cửa hàng cho thuê ô tô tự lái ở số nhà 436 đường Hùng Vương, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, của anh Bùi Duy H, sinh năm: 1990. Tại đây, Ng đặt vấn đề thuê của anh H 01 chiếc xe ô tô làm phương tiện đi lại. Anh H đồng ý cho Ng thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS E, sơn màu nâu vàng, BKS: 19A-272.94. Ng và anh H ký hợp đồng thuê xe thời hạn là 10 ngày, với giá 1.000.000đ/ngày. Ng đưa cho anh H 01 quyền sở hữu khẩu phôi; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Lê Hồng Ng và số tiền cọc 30.000.000đ. Sau khi thuê xe, Ng điều khiển đi xử lý công việc riêng rồi về nhà ở thôn Nại Châu, xã CP, huyện Mê Linh. Đến chiều cùng ngày, do không có tiền tiêu sài nên Ng nảy sinh ý định mang xe ô tô BKS: 19A-272.94 đi cầm cố. Sau đó, Ng điều khiển xe ô tô trên đến nhà ông Trần Văn B, sinh năm: 1976 ở Thôn Vạn Phúc, xã Vạn Yên, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Tại đây, Ng đặt vấn đề bán cho ông B chiếc xe ô tô BKS: 19A-272.94, ông B có hỏi về nguồn gốc chiếc xe ô tô này thì Ng nói đây là xe của Ng, giấy tờ gốc của xe đang cầm cố ở ngân hàng, Ng sẽ có trách nhiệm lấy về, ông B đồng ý. Ông B và Ng thỏa thuận giá bán xe là 450.000.000đ nH ông B sẽ đưa trước cho Ng 120.000.000đ và Ng viết giấy bán xe cho ông B, khi nào Ng lấy được Giấy đăng ký xe bản gốc thì ông B sẽ trả hết số tiền còn lại cho Ng, trong thời gian này nếu Ng có tiền thì ông sẽ cho Ng chuộc lại xe. Sau đó, ông B đưa cho Ng 120.000.000đ, Ng giao xe ô tô BKS: 19A-272.94 và giấy đăng ký xe bản phôi, 01 đăng kiểm và 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe ô tô trên cho ông B. Bán xe xong, Ng mang số tiền này đi tiêu sài hết. Đến sáng ngày 21/02/2021, Ng đến nhà anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm: 1997; trú tại: Xóm 1, thôn Nại Châu, xã CP, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là bạn của Ng. Tại đây, Ng nói với anh Đ là Ng đang cầm cố chiếc xe ô tô cho ông B nH chưa có tiền chuộc lại, Ng hỏi vay anh Đ số tiền 120.000.000đ và nhờ anh Đ đi đến nhà ông B chuộc lại chiếc xe ô tô BKS: 19A-272.94 trên, Ng hẹn 2 đến 3 ngày sau sẽ trả tiền cho anh Đ. Ng không nói cho anh Đ biết là Ng thuê xe ô tô của ai, ở đâu và thời hạn đến khi nào. Do là chỗ bạn bè thân quen nên anh Đ tin tưởng đồng ý cho Ng vay tiền và nhận lời đi lấy xe ô tô giúp Ng. Sau đó, anh Đ cầm 120.000.000đ đến nhà ông B chuộc xe cho Ng. Khi gặp, anh Đ bảo ông B cho anh Đ thay mặt Ng để chuộc xe ô tô BKS: 19A-272.94, ông B đồng ý nhận tiền và giao lại xe ô tô BKS: 19A-272.94 cho anh Đ. Sau đó, anh Đ điều khiển xe ô tô BKS: 19A-272.94 đi về nhà tại Xóm 1, thôn Nại Châu, xã CP,

huyện Mê Linh, đồng thời báo cho Ng biết đã chuộc được xe ô tô. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Ng một mình đi bộ đến nhà anh Đ, khi gặp Ng nói với anh Đ “Em lấy xe đi ra đây cái”, thì anh Đ trả chìa khóa xe ô tô BKS: 19A-272.94 cho Ng. Sau đó, do cần tiền để tiêu sài nên Ng điều khiển xe ô tô đến nhà ông B và đặt vấn đề bán lại cho ông B chiếc xe này một lần nữa, ông B đồng ý, lần mua bán này giữa ông B và Ng vẫn thỏa thuận như lần trước, do ông B vẫn giữ giấy bán xe cũ nên ông B và Ng không viết lại giấy bán xe, ông B đưa trước cho Ng 120.000.000đ. Số tiền nhận được, Ng mang đi tiêu sài cá nhân hết.

Đến hạn không thấy Ng đem trả xe, liên lạc với Ng nhiều lần không được nên ngày 26/02/2021, anh Bùi Duy H đến Cơ quan Công an huyện Mê Linh trình báo sự việc ngày 10/02/2021, Lê Hồng Ng thuê xe ô tô BKS: 19A-272.94 của anh, thời hạn thuê 10 ngày, đến nay đã quá hạn NH Ng không trả xe cho anh.

Cùng ngày, ông Trần Văn B tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an xã CP, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội: 01 xe ô tô BKS: 19A-272.94; 01 Giấy chứng nhận kiểm định; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự điều của xe ô tô BKS: 19A-272.94 và 01 giấy bán ô tô do Lê Hồng Ng viết, đề ngày 10/02/2021.

Ngày 02/03/2021, anh Bùi Duy H giao nộp cho Công an xã CP: 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số: 042396 chủ xe Bùi Duy H, BKS: 19A-272.94; 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 01 bản phô tô sổ hộ khẩu và 01 bản phô tô Căn cước công dân mang tên Lê Hồng Ng; 01 bản gốc căn cước công dân mang tên Lê Hồng Ng; 01 bản phô tô chứng minh thư nhân dân mang tên Bùi Duy H; 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái giữa Lê Hồng Ng và Nguyễn Văn Tiến.

Ngày 15/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên có văn bản số 53/YC-ĐTTH, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Vĩnh Yên định giá chiếc xe ô-tô nhãn hiệu hiệu TOYOTA VIOS E, số khung RL4B23F36K5079882, số máy: 2NRX518257, màu sơn: nâu vàng, BKS: 19A-272.94, xe cũ đã qua sử dụng. Ngày 19/3/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Vĩnh Yên đã có kết luận định giá số 44/KL-HĐĐG, kết luận giá của chiếc xe ô-tô nêu trên ở thời điểm hiện tại là 420.000.000đ (bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Ngày 12/4/2021, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định trưng cầu giám định, số 169 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu là chữ ký, chữ viết của Lê Hồng Ng. Tại Kết luận giám định số 953 ngày 01/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Vĩnh Phúc, xác định: Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Lê Hồng Ng trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 22/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Lê Hồng Ng về tội: “Lạm dụng tín chiếm đoạt tài

sản” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Hồng Ng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo Lê Hồng Ng giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Hồng Ng phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Hồng Ng từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Lê Hồng Ng phải trả cho ông Trần Văn B số tiền 70.000.000đ và anh Nguyễn Minh Đ số tiền 120.000.000đ.

Xác nhận cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 01 xe ô tô BKS: 19A-272.94; 01 Giấy chứng nhận kiểm định; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự điều của xe ô tô BKS: 19A-272.94, cho anh H xe ô tô và giấy tờ trên. Anh H nhận lại tài sản, giấy tờ và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Trả lại bị cáo Lê Hồng Ng 01 bản gốc căn cước công dân mang tên Lê Hồng Ng.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng.

Bị hại: Anh Bùi Duy H vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra anh H trình bày: Khoảng 09 giờ ngày 10/02/2021 Lê Hồng Ng, sinh năm: 2001, HKTT: Xóm 4, thôn Nại Châu, xã CP, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội đến cửa hàng cho thuê ô tô tự lái của anh H tại số nhà 436 đường Hùng Vương, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây, Ng đặt vấn đề thuê của anh H 01 chiếc xe ô tô làm phương tiện đi lại. Anh H đồng ý cho Ng thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS E, sơn màu nâu vàng, BKS: 19A-272.94. Ng và anh H ký hợp đồng thuê xe thời hạn là 10 ngày, với giá 1.000.000đ/ngày. Ng đưa cho anh H 01 quyển sổ hộ khẩu phổ thông; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Lê Hồng Ng và số tiền cọc 30.000.000đ. Đến hạn không thấy Ng đem trả xe, liên lạc với Ng nhiều lần không được nên ngày 26/02/2021, anh Bùi Duy H đến Cơ quan Công an huyện Mê Linh trình báo sự việc ngày 10/02/2021, Lê Hồng Ng thuê xe ô tô BKS: 19A-272.94 của anh, thời hạn thuê 10 ngày, đến nay đã quá hạn NH Ng không trả xe cho anh. Ngày 18/4/2021, Cơ quan điều tra, Công an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại cho anh H chiếc xe ô tô trên. Ngày 14/6/2021, ông Lê Văn Hải, là

bổ để của Ng đã thay mặt Ng thỏa thuận trả cho anh H tổng số tiền 35.000.000đ, anh H nhận đủ tiền và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho Ng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn B vắng mặt tại phiên toà, quá trình điều tra ông B trình bày: Ngày ngày 10/02/2021 Ng đến nhà ông B đặt vấn đề bán xe ô tô BKS: 19A-272.94 cho ông B thì Ng nói đây là xe của Ng, Giấy đăng ký xe đang cầm cố ở Ngân hàng để vay tiền, Ng có viết giấy bán xe thể hiện cam kết sẽ bàn giao Giấy đăng ký của xe ô tô BKS: 19A-272.94 cho ông B trong thời hạn 01 tháng. Ông B và Ng có thỏa thuận ông B sẽ cọc trước cho Ng 120.000.000đ, khi nào có Giấy đăng ký gốc của xe thì sẽ chốt giá bán sau và trong thời gian này nếu Ng muốn chuộc xe thì ông B đồng ý cho chuộc. Sau đó, ông B đưa cho Ng 120.000.000đ, Ng giao xe ô tô BKS: 19A-272.94 và giấy đăng ký xe bản phô tô, 01 đăng kiểm và 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe ô tô trên cho ông B. Ngày 21/02/2021 anh Đ cầm 120.000.000đ đến nhà ông B chuộc xe cho Ng. Khi gặp, anh Đ bảo ông B cho anh Đ thay mặt Ng để chuộc xe ô tô BKS: 19A-272.94, ông B đồng ý nhận tiền và giao lại xe ô tô BKS: 19A-272.94 cho anh Đ. Sau đó Ng lại đến nhà ông B và đặt vấn đề bán lại cho ông B chiếc xe này một lần nữa, ông B đồng ý, lần mua bán này giữa ông B và Ng vẫn thỏa thuận như lần trước, do ông B vẫn giữ giấy bán xe cũ nên ông B và Ng không viết lại giấy bán xe, ông B đưa trước cho Ng 120.000.000đ. Số tiền nhận được. Sau khi biết chiếc xe ô tô trên là tài sản do Ng phạm tội mà có ông B đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Ngày 01/7/2021, ông Lê Văn Hải là bố để của Ng đã thay mặt Lê Hồng Ng trả lại cho ông B số tiền 50.000.000đ, còn nợ lại số tiền 70.000.000đ. ông B nhận đủ 50.000.000đ và có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho Ng, đồng thời yêu cầu Ng phải thanh toán nốt số tiền 70.000.000đ cho ông B.

Anh Nguyễn Minh Đ vắng mặt tại phiên toà, quá trình điều tra anh Đ trình bày: Anh Đ và Ng là chỗ bạn bè thân quen, ngày 21/02/2021 Ng đến nhà anh hỏi mượn số tiền 120.000.000đ để chuộc lại xe ô tô BKS: 19A-272.94 đang cầm cố tại nhà ông B, anh Đ đồng ý, Ng nhờ anh Đ đến nhà ông B để chuộc xe ô tô BKS: 19A-272.94 giúp Ng. Do là chỗ bạn bè chơi với nhau từ lâu, nên anh Đ tin tưởng cho Ng vay tiền và đi chuộc xe ô tô giúp và mang về cho Ng và để nhờ xe nhà anh Đ, đến 16 giờ ngày 21/02/2021 Ng đã đến lấy lại xe để đi, sau đó anh Đ biết Ng tiếp tục mang bán chiếc xe trên cho ông B. Nay anh Đ yêu cầu Ng phải trả anh số tiền 120.000.000đ đã vay.

Ông Lê Văn Hải trình bày: Ông là bố của Lê Hồng Ng, sau khi Ng bị bắt và tạm giam Ng có tác động đến gia đình để khắc phục hậu quả và ông là người trực tiếp thỏa thuận và bồi thường cho anh Bùi Văn H số tiền 35.000.000đ và ông Trần Văn B số tiền 50.000.000đ, số tiền trên là của ông Hải. Tại phiên toà ông Hải không yêu cầu Ng phải trả lại ông số tiền trên.

Bị cáo Lê Hồng Ng không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Ng tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 10/02/2021, tại cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái của anh Bùi Duy H, ở phường Đồng Tâm, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Lê Hồng Ng thuê của anh H 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS E, BKS: 19A-272.94, mục đích làm phương tiện đi trong dịp tết Nguyên Đán 2021. Đến chiều cùng ngày, do không có tiền tiêu sài nên Ng đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh H. Sau đó, Ng điều khiển xe ô tô BKS: 19A- 272.94 thuê của anh H đến gặp ông Trần Văn B ở thôn Vạn Phúc, xã Vạn Yên, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội để bán xe ô tô trên cho ông B được 120.000.000đ. Số tiền này Ng đã tiêu sài cá nhân hết. Trị giá chiếc ô tô BKS: 19A-272.94 theo kết luận định giá là 420.000.000đ.

Hành vi của bị cáo Ng đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b, Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.”

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất B trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Bị cáo phạm tội theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 12 năm nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm tội rất nghiêm trọng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường cho bị hại và trả một phần tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) làm căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nếu để cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục nói chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án gồm:

Đối với ông Trần Văn B là người mua xe ô tô BKS: 19A-272.94 của Lê Hồng Ng. Quá trình điều tra xác định ông B không biết chiếc xe ô tô BKS: 19A-272.94 là xe do Ng thuê của anh Bùi Duy H nên mới mua. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông B là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Minh Đ là người cho Lê Hồng Ng vay 120.000.000đ và trực tiếp đến nhà ông B để chuộc xe ô tô BKS: 19A-272.94 giúp Ng. Quá trình điều tra, Ng và anh Đ đều khai khi Ng hỏi vay số tiền 120.000.000đ và nhờ anh Đ cầm số tiền này đến nhà ông B để chuộc xe ô tô BKS: 19A-272.94, Ng không nói cho anh Đ biết chiếc xe ô tô này Ng thuê của ai, thời hạn thuê như thế nào. Do là chỗ bạn bè chơi với nhau từ lâu nên anh Đ tin tưởng cho Ng vay tiền và đi chuộc xe ô tô giúp. Anh Đ với Ng không có thỏa thuận gì khác, anh Đ cũng không được hưởng lợi gì. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có

thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Xác nhận cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 01 xe ô tô BKS: 19A-272.94; 01 Giấy chứng nhận kiểm định; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đều của xe ô tô BKS: 19A-272.94, cho anh H xe ô tô và giấy tờ trên. Anh H nhận lại tài sản, giấy tờ và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Trả lại bị cáo Lê Hồng Ng 01 bản gốc căn cước công dân mang tên Lê Hồng Ng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng trả ông Trần Văn B B số tiền 70.000.000đ và anh Bùi Minh Đ số tiền 120.000.000đ. Nên buộc bị cáo phải trả cho ông Trần Văn B số tiền 70.000.000đ và anh Nguyễn Minh Đ số tiền 120.000.000đ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng Ng phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng Ng 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 16/4/2021).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Điều 468; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Lê Hồng Ng phải trả cho ông Trần Văn B số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và anh Bùi Minh Đ số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại bị cáo Lê Hồng Ng 01 căn cước công dân mang tên Lê Hồng Ng. *(Đặc điểm vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Vĩnh Yên với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên).*

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Hồng Ng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo, người có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền khác cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Kim Dung Lưu Văn Hà

Đào Văn Tiến

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Tiến

